MIRAE ASSET Securities

21 Tháng Chín 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

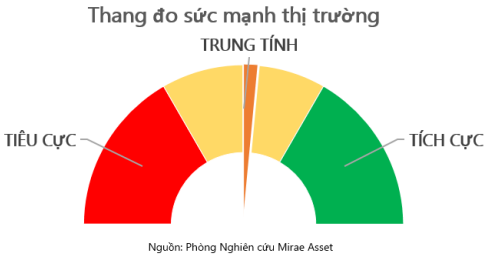

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,339.84	-0.79	0.78	47.57
HNX	358.98	0.03	6.19	174.91
UPCOM	96.77	-0.71	4.39	59.31
MSCI EM	1,258.23	-1.65	3.07	15.40
NIKKEI	29,839.71	-2.17	10.46	27.74
HANG SENG	24,221.54	0.51	-2.53	1.13
KOSPI	3,140.51	0.33	2.61	30.18
FTSE	6,976.92	1.06	-1.57	20.20
S&P 500	4,357.73	-1.70	-1.89	32.81
NASDAQ	14,713.90	-2.19	-0.01	36.51

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.19	2.57	16.09
SET INDEX	19.91	1.75	7.56
JCI INDEX	23.96	1.48	-1.57
PCOMP INDEX	23.07	1.69	7.53

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.88	5	2	-49
10 năm	2.10	1	2	-68

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	22,770	0.01	0.26	1.75
US$/KRW	1,175	-0.30	0.09	-0.08
US$/JPY	110	-0.10	0.14	-4.47
US$/EUR	0.85	-0.07	0.11	0.32
US$/GBP	0.73	-0.19	0.29	-6.34
US$/SGD	1.35	0.10	0.44	0.88

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,003	887	661
HNX	163	142	96
UPCOM	116	83	44

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử

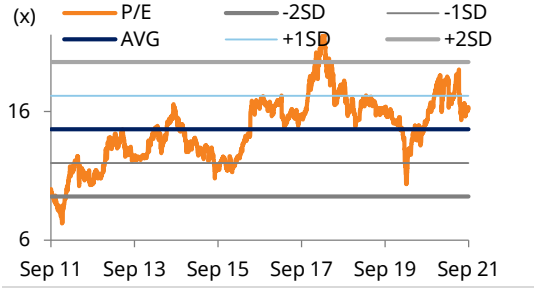

Nhận định thị trường

Lực cầu mạnh bắt đáy

Thông tin về rủi ro phá sản của Tập đoàn bất động sản Trung Quốc - Evergrande đã khiến thị trường chứng khoán Châu Á đỏ lửa khi Hang Seng Index và Nikkei 225 vào hôm qua đã giảm lần lượt là 3,2% và 1,9%, thêm vào đó Dow jones và S&P500 mất 1,7% vào rạng sáng nay. Chính những yếu tố này khiến nhà đầu tư lo lắng khiến VN-Index mở cửa và rơi ngay 15 điểm. Diễn biến trong phiên, tâm lý lo sợ có thời điểm lên cao đẩy VN-Index rơi về 1.324 điểm và rồi từ đây, lực cầu bắt đáy xuất hiện nhiều và kéo VN-Index phục hồi hơn 20 điểm trong ngày. Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.339,8 điểm, giảm 10,6 điểm, tương ứng -0,8% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 23.432 tỷ đồng, HNX: 4.034 tỷ đồng, UPCOM: 2.288 tỷ đồng.

Đáng chú nhất trong sự phục hồi hôm nay là nhóm Dầu khí và Hóa Chất khi từ vùng giá đỏ trong ngày đã bật tăng và đóng cửa trong sắc xanh tăng điểm mạnh, thậm chí tăng trần như CSV, DGC, PVD. Tương tự nhóm Vật liệu Xây Dựng ngược dòng thị trường như NKG, HSG, VCS, BCC , BTS và LCG kết phiên trong tăng điểm. Đáng chú ý với nhóm Bất động sản khi nhóm Blue-chip như VHM, VRE, VIC, PDR, giảm sâu thì một số cổ phiếu Penny và Mid lại tăng trần như: DRH, HDC và HDG.

Khối ngoại hôm nay quay lại bán ròng mạnh với giá trị xấp xỉ 550 tỷ. Trái với những phiên trước, hôm nay khối ngoại bán ròng đều khắp ở nhiều mã khi CCQ ETF VNDiamon bị bán ròng nhiều nhất với chỉ 162 tỷ, kế đến là HPG với 97 tỷ.

Phiên giao dịch giảm điểm khiến các chỉ số kỹ thuật tiếp tục suy giảm. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset giảm từ mức +4 về +2 (TRUNG TÍNH). Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 16,2x.

Trần Duy Lam, Analyst,84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-3	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-7	TIÊU CỰC

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	**2**	**TRUNG TÍNH**
VN30	**2**	**TRUNG TÍNH**
VN30F1M	**2**	**TRUNG TÍNH**
VN DIAMOND	**3**	**TRUNG TÍNH**
VN FIN SELECT	**3**	**TRUNG TÍNH**

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (21/09/2021)	1.339,8	Kháng cự 1	**1.380**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2	**1.420**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	**1.300**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	**1.270**

Xuất hiện phiên điều chỉnh đáng kể sau chuỗi đi ngang của Vn-Index, tuy nhiên nhờ lực cầu bắt đáy mạnh đã giúp thu hẹp đà giảm, phục hồi từ vùng 1.320 lên 1.340.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

Nguồn: Fdata

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (21/09/2021)	1.440	Kháng cự 1	**1.500**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TRUNG TÍNH**	Kháng cự 2	**1.550**
VN30 – đóng cửa	1.446	Hỗ trợ 1	**1.450**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	-6,2	Hỗ trợ 2	**1.400**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-2	**TRUNG TÍNH**
VN30F1M (chart 60 phút)	0	**TRUNG TÍNH**
VN30F1M (chart ngày)	+2	**TRUNG TÍNH**

Tuy là phiên giảm điểm nhưng giá đóng cửa và mở cửa của VN30F1M không lớn, các chỉ số kỹ thuật giảm dần và chuyển sang TRUNG TÍNH.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)

Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.05	6,330,750	-2	TRUNG TÍNH	5,239	12.8	1.1
ACB	31.8	6,273,070	2	TRUNG TÍNH	85,922	8.9	2.1
AGR	16.65	3,496,690	-2	TRUNG TÍNH	3,530	10.1	1.5
APG	26.5	3,510,395	-2	TRUNG TÍNH	1,939	20.6	2.4
APS	20.7	3,189,745	7	KHẢ QUAN	1,225	9.8	2.0
ASM	15.85	5,853,345	-4	TIÊU CỰC	4,103	10.0	0.9
BCG	18.5	5,892,790	-4	TIÊU CỰC	5,504	5.9	1.5
BID	39.65	1,599,330	6	KHẢ QUAN	159,473	16.1	2.0
BII	30	4,569,515	2	TRUNG TÍNH	1,730	20.2	2.9
BSR	18.4	9,138,830	2	TRUNG TÍNH	57,049	#N/A N/A	1.8
BVH	55.7	1,099,450	-2	TRUNG TÍNH	41,347	22.1	2.0
CII	17.35	3,409,940	-7	TIÊU CỰC	4,145	136.8	0.9
CTG	31.5	11,526,720	0	TRUNG TÍNH	151,381	9.2	1.6
CTR	80.7	834,705	-4	TIÊU CỰC	7,499	26.8	7.1
DBC	64	2,824,900	4	KHẢ QUAN	7,375	6.0	1.6
DCM	24.7	4,821,310	-4	TIÊU CỰC	13,076	21.1	1.9
DDV	38.5	4,847,230	2	TRUNG TÍNH	5,625	197.4	4.5
DGC	156.7	1,019,615	5	KHẢ QUAN	26,808	26.7	6.0
DGW	117.2	655,780	2	TRUNG TÍNH	10,361	25.5	7.4
DIG	32.1	10,916,205	-6	TIÊU CỰC	13,639	17.6	2.7
DPG	45.8	1,345,750	5	KHẢ QUAN	2,885	9.3	2.4
DPM	35.15	5,984,490	-6	TIÊU CỰC	13,755	12.1	1.6
DRC	32.7	2,527,970	-7	TIÊU CỰC	3,885	11.4	2.3
DXG	19.05	4,603,405	0	TRUNG TÍNH	11,354	13.8	1.3
FCN	13.7	4,326,710	-4	TIÊU CỰC	1,719	12.2	0.8
FIT	13.5	13,406,185	-7	TIÊU CỰC	3,439	24.9	1.1
FLC	11.05	12,739,715	6	KHẢ QUAN	7,845	4.3	0.8
FPT	93.5	2,115,365	0	TRUNG TÍNH	84,848	22.1	5.1
FRT	46.45	2,457,810	2	TRUNG TÍNH	3,669	55.1	2.9
GAS	88.2	853,160	0	TRUNG TÍNH	168,810	21.6	3.6
GEX	23.85	9,671,125	-6	TIÊU CỰC	18,631	13.8	1.9
GMD	49.8	4,117,940	-5	TIÊU CỰC	15,009	36.7	2.4
GVR	36.4	5,402,705	-5	TIÊU CỰC	145,600	30.8	3.0
HAH	68.5	2,145,700	-4	TIÊU CỰC	3,246	15.4	2.8
HBC	15	5,364,900	0	TRUNG TÍNH	3,463	24.8	0.9
HCM	52.9	5,370,160	-4	TIÊU CỰC	16,137	18.2	3.4
HDB	25.55	2,370,975	0	TRUNG TÍNH	50,901	9.7	1.9
HDC	72.9	816,955	7	KHẢ QUAN	6,304	20.6	4.8
HDG	59.4	2,079,335	7	KHẢ QUAN	9,720	13.9	2.8
HHV	21.2	7,586,405	-2	TRUNG TÍNH	5,669	36.3	0.9
HNG	8.14	7,050,830	7	KHẢ QUAN	9,024	#N/A N/A	1.1
HPG	50.8	25,652,370	2	TRUNG TÍNH	227,224	9.0	3.1
HSG	46.7	13,788,560	0	TRUNG TÍNH	23,046	6.0	2.3
HT1	22.45	3,754,790	-4	TIÊU CỰC	8,566	13.6	1.5
IDC	48.6	5,384,230	7	KHẢ QUAN	14,580	28.7	3.8
IJC	28.5	7,660,775	0	TRUNG TÍNH	6,187	8.1	1.9
ITA	7.9	12,548,840	7	KHẢ QUAN	7,413	41.8	0.7
KBC	42.5	13,525,500	-4	TIÊU CỰC	19,965	23.5	1.9
KDC	59.4	2,287,650	-5	TIÊU CỰC	13,588	26.4	2.3
KDH	41.75	2,789,135	2	TRUNG TÍNH	26,014	21.2	3.0
KSB	34.6	3,254,845	-4	TIÊU CỰC	2,536	10.2	1.5
LCG	18.7	7,337,175	-2	TRUNG TÍNH	2,155	5.9	1.2

LPB	22.85	6,075,990	4	KHẢ QUAN	27,502	10.3	1.8
MBB	28	13,580,465	4	KHẢ QUAN	105,793	10.1	2.0
MBS	33.9	2,896,355	-6	TIÊU CỰC	9,072	18.1	3.0
MSN	143.5	1,690,455	4	KHẢ QUAN	169,407	80.3	7.9
MWG	123.8	1,121,610	4	KHẢ QUAN	88,258	19.3	4.8
NKG	45.5	8,775,670	1	TRUNG TÍNH	9,937	6.7	2.1
NLG	41.9	2,355,845	-7	TIÊU CỰC	14,467	10.7	1.8
NTL	34.95	2,038,585	-4	TIÊU CỰC	2,132	7.0	1.9
NVL	103	2,389,045	-4	TIÊU CỰC	151,781	28.6	4.5
ORS	26.6	2,338,415	-2	TRUNG TÍNH	5,320	25.2	4.2
PAN	27.7	2,137,095	-3	TRUNG TÍNH	5,786	26.2	1.6
PC1	36	2,624,925	-4	TIÊU CỰC	6,883	10.4	1.6
PDR	81.6	3,396,175	2	TRUNG TÍNH	39,721	28.1	7.1
PET	27	3,195,890	-4	TIÊU CỰC	2,427	12.7	1.5
PNJ	90.1	711,175	2	TRUNG TÍNH	20,486	15.5	3.6
POW	11.65	12,777,750	-4	TIÊU CỰC	27,283	10.8	0.9
PVD	21.7	6,798,880	7	KHẢ QUAN	9,139	985.5	0.7
PVS	28.1	10,507,610	4	KHẢ QUAN	13,431	24.7	1.1
PVT	24.35	7,187,615	-2	TRUNG TÍNH	7,881	10.4	1.7
REE	66	1,245,705	-4	TIÊU CỰC	20,397	11.4	1.7
SBS	15.4	3,989,115	-2	TRUNG TÍNH	1,951	1,697.9	9.4
SBT	21.5	5,636,430	-6	TIÊU CỰC	13,269	20.1	1.7
SCR	13.35	12,268,660	7	KHẢ QUAN	4,891	16.7	1.0
SHB	26.5	14,292,415	2	TRUNG TÍNH	51,027	13.7	1.9
SHS	38.7	5,721,285	-6	TIÊU CỰC	11,165	10.4	2.6
SMC	52.6	1,063,515	-4	TIÊU CỰC	3,205	3.4	1.5
SSI	42.1	12,670,995	-4	TIÊU CỰC	41,374	22.6	3.7
STB	26.8	13,699,205	2	TRUNG TÍNH	50,524	13.9	1.6
SZC	46.3	1,208,185	-2	TRUNG TÍNH	4,630	18.5	3.5
TCB	50.4	10,584,210	6	KHẢ QUAN	176,647	10.9	2.1
TCH	17.2	8,581,955	2	TRUNG TÍNH	10,642	8.3	1.2
TLH	22.4	4,046,295	0	TRUNG TÍNH	2,255	5.7	1.3
TNG	29.8	3,553,700	-5	TIÊU CỰC	2,370	13.4	1.9
TPB	40	5,958,215	4	KHẢ QUAN	42,867	9.5	2.1
VCB	98	1,030,205	2	TRUNG TÍNH	363,470	17.7	3.5
VCI	63.7	5,475,845	2	TRUNG TÍNH	21,212	14.5	4.0
VGC	33.65	2,288,540	-7	TIÊU CỰC	15,087	16.0	2.3
VGT	20.4	7,070,210	-5	TIÊU CỰC	10,200	35.8	1.6
VHC	51	2,814,190	-4	TIÊU CỰC	9,279	12.6	1.7
VHM	77.5	12,008,275	-5	TIÊU CỰC	337,464	10.0	3.5
VIC	85.6	2,934,155	-5	TIÊU CỰC	325,726	48.5	3.6
VIX	18.6	4,883,440	-2	TRUNG TÍNH	5,107	5.6	1.8
VJC	123.5	1,041,635	-7	TIÊU CỰC	66,889	425.6	3.9
VND	52.9	10,224,595	0	TRUNG TÍNH	22,696	12.2	3.8
VNM	88.8	3,140,055	7	KHẢ QUAN	185,588	19.4	5.9
VOS	23.6	4,479,545	2	TRUNG TÍNH	3,304	21.6	4.5
VPB	66.9	6,755,515	6	KHẢ QUAN	165,226	13.2	2.7
VRE	28.4	5,050,050	0	TRUNG TÍNH	64,534	23.8	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

S&P Global Ratings: Evergrande khả năng cao vỡ nợ nếu không được hỗ trợ trực tiếp

"Chúng tôi tin Bắc Kinh sẽ chỉ buộc phải can thiệp nếu xảy ra ảnh hưởng lan rộng khiến nhiều nhà phát triển bất động sản lớn khác sụp đổ, tạo ra rủi ro hệ thống với nền kinh tế", S&P Global Ratings cho biết trong báo cáo ngày 20/9. "Một mình Evergrande sụp đổ khả năng cao không tạo ra kịch bản như vậy".Các lo ngại về ảnh hưởng lan rộng từ Evergrande đã châm ngòi một làn sóng bán tháo toàn cầu. Ngoài ra, sự tự tin vào lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc cũng sẽ suy giảm thêm.Các cuộc tranh luận gia tăng về việc chính phủ Trung Quốc liệu có hỗ trợ Evergrande và các công ty phát triển bất động sản khác hay không. Trung Quốc trước đó mất nhiều tháng để lên kế hoạch giải cứu Huarong Asset Management, một trong những công ty quản lý nợ xấu lớn ở Trung Quốc.Kết cục của Evergrande đang đến gần. Nhà chức trách Trung Quốc trước đó thông báo các bên cho vay lớn của Evergrande không kỳ vọng công ty thanh toán lãi với các khoản vay ngân hàng trong tuần này. Evergrande ngày 23/9 phải đối mặt nghĩa vụ trả lãi với hai trái phiếu do công ty phát hành.

VGC: dự kiến trả Idico 350 tỷ đồng để tăng vốn góp tại nhà máy kính

Ngày 17/9, Tổng công ty Viglacera (HoSE: VGC) đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng toàn bộ 30% vốn góp của Tổng công ty Idico (HNX: IDC) tại Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ (PFG), qua đó tỷ lệ sở hữu tăng từ 35% lên 65%. Sau khi thương vụ hoàn tất, Viglacera sẽ sở hữu 21 công ty con, bên cạnh 10 đơn vị liên doanh liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác.Vào đầu tháng 8, HĐQT Idico đã ban hành Nghị quyết chuyển nhượng 30% phần vốn góp cho Viglacera và nhà đầu tư Trung Quốc là Công ty TNHH Tập đoàn Khoa học Kỹ thuật Khải Thịnh (Khải Thịnh). Giá chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp là 350 tỷ đồng.

MSN: mua 70% vốn Mobicast, lấn sân lĩnh vực viễn thông

The Sherpa – một thành viên của Tập đoàn Masan (Masan Group, HoSE: MSN) thông báo đã hoàn tất mua lại 70% cổ phần của Công ty cổ phần Mobicast (Mobicast) với tổng giá trị tiền mặt là 295,5 tỷ đồng, bước đầu mở rộng sang lĩnh vực viễn thông.Mobicast là công ty start-up trong lĩnh vực mạng di động ảo (MVNO) thành lập vào năm 2016, sở hữu thương hiệu mạng Reddi tích hợp hoàn chỉnh các dịch vụ viễn thông. Các MVNO như Reddi cung cấp dịch vụ di động nhưng không sở hữu hạ tầng mạng lưới viễn thông. Do đó, MVNO hợp tác với các nhà khai thác mạng di động truyền thống (MNO) để sử dụng các dịch vụ truyền dẫn dựa trên phổ tần sóng điện từ cùng với cơ sở hạ tầng mạng di động của MNO để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người tiêu dùng.Đây là một mô hình hợp tác win – win: các MNO được hưởng lợi nhờ công suất sử dụng mạng gia tăng, trong khi đó các MVNO có mô hình kinh doanh tinh gọn nhờ tận dụng hạ tầng mạng truyền dẫn và thu phát sóng đã có sẵn. Trên thế giới, MVNO là mô hình kinh doanh viễn thông rất phổ biến.

PVM: chốt quyền trả gần 39 tỷ đồng cổ tức năm 2020

HĐQT Máy - Thiết bị Dầu khí (PV Machino, UPCoM: PVM) vừa thông qua phương án trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%. Cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận về 1.000 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là 4/10, thời gian thanh toán 27/10.Với gần 38,64 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền trả cổ tức đợt này dự kiến khoảng 38,64 tỷ đồng.Năm ngoái, PV Machino ghi nhận 628 tỷ đồng doanh thu, giảm 62% so với thực hiện năm trước. Nhờ giá vốn hàng bán cũng giảm mạnh nên lợi nhuận sau thuế đạt hơn 50 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2019. Phần lãi thuộc về cổ đông công ty mẹ tăng 11% lên hơn 49 tỷ. Với kết quả đạt được, cổ đông công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận bằng tiền tỷ lệ 10%. Như vậy sau đợt thanh toán này, công ty đã hoàn thành nghĩa vụ cổ tức năm 2020 cho cổ đông.

HAX: họp bất thường bàn kế hoạch huy động vốn

Haxaco (HoSE: HAX) thông báo ngày 11/10 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2021. Đại hội dự kiến diễn ra vào ngày 8/11, nội dung họp bao gồm cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh, thông qua phương án huy động vốn và vấn đề khác nếu có. Thông tin chi tiết chưa được công bố.Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên diễn ra vào tháng 3, ông Đỗ Tiến Dũng – Chủ tịch HĐQT cho biết Haxaco cần tăng vốn để mở rộng đầu tư. Vốn huy động được sẽ dùng để phát triển kinh doanh theo định hướng của ban lãnh đạo như mở rộng các đại lý xe, đầu tư bất động sản nghĩ dưỡng, đầu tư vào các công ty cùng lĩnh vực tiềm năng...

NT2: chốt quyền trả cổ tức đợt cuối 2020 tỷ lệ 10%

Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (HoSE: NT2) thông báo ngày 30/9 đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền, tỷ lệ 10% (1 cổ phiếu nhận 1.000 đồng). Thời gian thanh toán là 28/10, tổng số tiền khoảng 288 tỷ đồng.Năm 2020, chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 và nhà máy thực hiện trùng tu mở rộng định kỳ, NT2 ghi nhận doanh thu giảm 21% xuống 6.082 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế giảm 17% xuống 625 tỷ đồng. Với kết quả này, doanh nghiệp thống nhất chia cổ tức 2020 tỷ lệ 20% mệnh giá (đã tạm ứng 10%), thấp hơn mức chia năm 2019 là 25%.Đến nửa đầu năm nay, hoạt động kinh doanh của đơn vị tiếp tục bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhu cầu phụ tải thấp trong khi giá khí tăng cao. Do vậy, doanh thu đạt 3.265 tỷ đồng, giảm 9,4%; lãi sau thuế 139 tỷ đồng, giảm 68%.

TMS: chốt quyền trả cổ tức 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 15%

HĐQT Transimex (HoSE:TMS) thông báo 24/9 là ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 15 cổ phiếu mới). Tổng khối lượng phát hành thêm là 12,2 triệu cổ phiếu. Doanh nghiệp sẽ sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 để trả cổ tức cho cổ đông. Tại 31/12/2020, công ty có gần 918,6 tỷ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; 134 tỷ quỹ đầu tư phát triển và 350 tỷ thặng dư vốn cổ phần.

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets

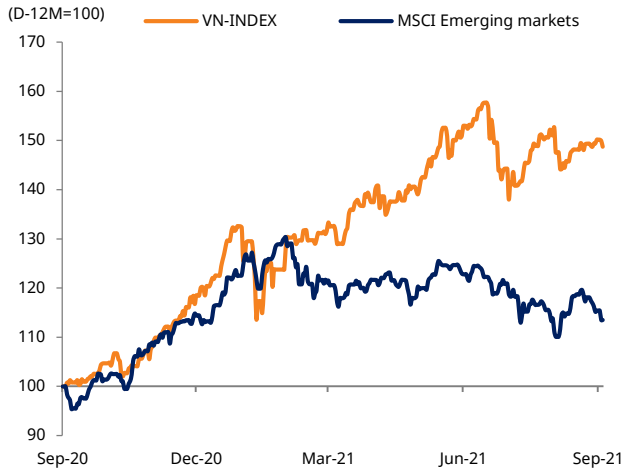

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND

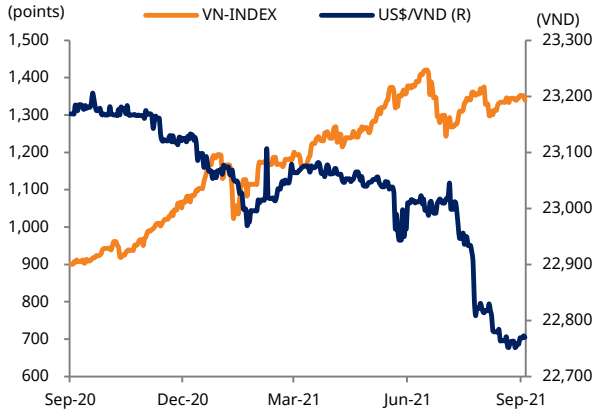

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài

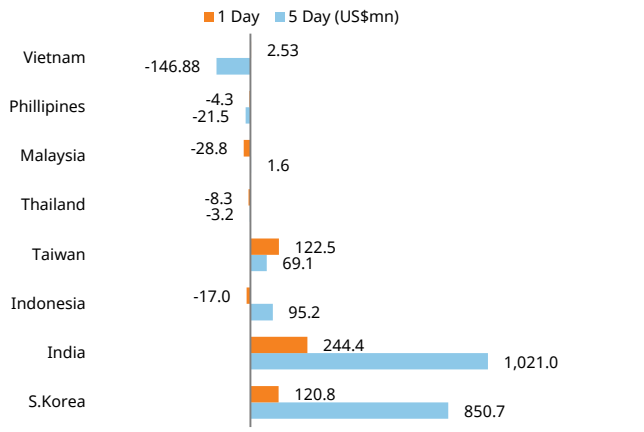

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND

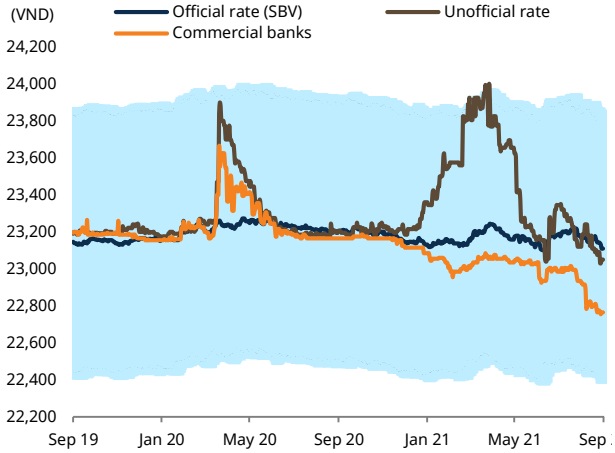

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

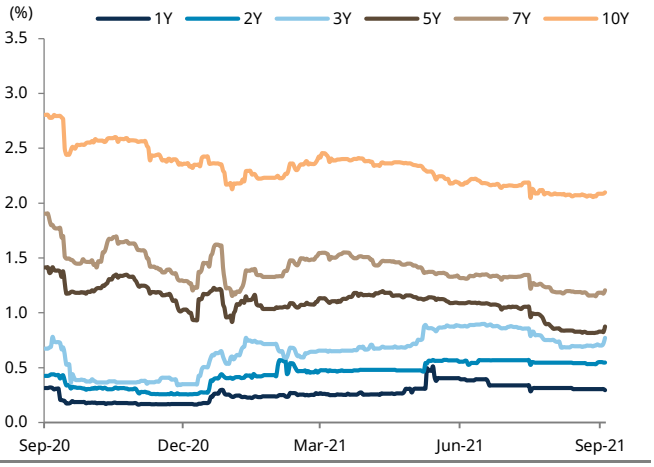

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng

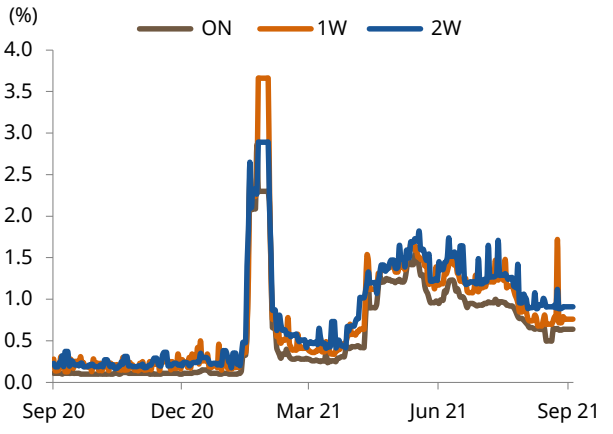

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá	Vốn hóa	Sở hữu khối ngoại	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
		(VND)	(VND bn)	(%)	1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	**VN30 Index**	**1,446.22**	**3,768,081**		**-0.9**	**0.6**	**-0.3**	**69.8**	**13.9**	**11.5**	**2.6**	**2.2**	**35.1**	**20.7**	**23.0**	**21.1**
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	31,800	85,922	30.0	-0.9	1.0	-5.4	80.7	8.7	7.1	1.9	1.5	30.6	21.6	25.1	24.1
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,650	159,473	16.6	-0.6	2.5	-2.1	-2.8	17.1	12.2	1.8	1.7	59.8	41.0	13.2	17.0
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	55,700	41,347	26.9	3.3	3.1	4.3	12.6	25.0	22.6	1.9	1.8	6.2	10.7	8.2	8.6
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	31,500	151,381	24.6	-1.1	1.0	-3.7	57.9	11.0	8.3	1.4	1.2	0.4	33.0	18.3	20.5
CTCP FPT	FPT VN	93,500	84,848	49.0	-1.0	-0.3	0.8	110.0	20.6	17.7	4.4	4.0	26.9	16.5	24.0	25.1
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	88,200	168,810	2.5	-0.7	-0.9	0.8	21.2	19.3	15.5	3.4	3.1	13.4	24.3	18.1	20.5
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	36,400	145,600	0.6	-2.7	-4.2	0.1	183.3	31.3	28.6	NA	NA	23.3	9.5	9.6	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB VN	25,550	50,901	18.1	-0.6	3.0	-7.4	71.7	8.5	8.1	1.7	NA	41.4	4.3	22.2	21.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	50,800	227,224	26.2	-1.0	1.0	3.7	166.8	7.1	6.8	2.4	1.8	150.9	4.0	41.5	30.7
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	41,750	26,014	31.0	-1.1	1.2	6.0	88.6	24.9	18.4	2.9	2.4	-10.5	35.8	12.3	14.4
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,000	105,793	22.7	-0.9	1.4	-6.4	130.3	8.7	6.8	1.6	1.3	46.7	28.7	22.1	22.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	143,500	169,407	32.6	0.3	5.9	7.2	163.3	50.9	28.9	8.7	6.8	167.3	76.3	17.5	22.8
CTCP Thế giới di động	MWG VN	123,800	88,258	49.0	0.7	-0.6	13.2	88.7	18.1	14.2	4.0	3.5	18.7	27.2	24.3	26.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,000	151,781	9.2	0.0	0.0	-0.7	120.2	35.5	19.0	4.3	3.4	-1.0	87.2	19.4	17.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	81,600	39,721	3.4	-1.6	1.4	-4.1	167.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	49,600	63,021	17.7	-0.8	-1.0	0.0	-2.2	16.9	14.8	NA	NA	328.0	14.2	16.0	16.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	90,100	20,486	48.1	-1.0	1.2	-1.5	47.7	19.1	15.2	3.5	3.0	9.5	25.9	20.2	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,650	27,283	3.1	-0.9	1.3	6.9	15.3	13.0	10.3	0.9	0.8	-10.1	25.8	7.1	8.5
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	158,000	101,322	62.8	-0.2	-4.8	10.5	-16.8	21.6	18.2	4.4	3.9	2.6	18.8	23.0	24.2
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	42,100	41,374	45.5	-1.6	-0.9	2.0	286.2	21.5	19.3	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	26,800	50,524	15.8	-1.1	0.6	-5.3	128.1	18.4	13.5	NA	NA	16.7	36.1	10.3	12.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	50,400	176,647	22.5	-0.6	3.9	-0.2	126.0	10.5	8.8	1.9	1.6	36.2	20.0	20.4	20.2
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	40,000	42,867	30.0	-0.2	6.4	14.3	106.2	9.0	7.6	1.8	1.5	30.4	19.1	23.2	21.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	98,000	363,470	23.5	-1.6	-0.3	-2.1	18.1	18.5	14.5	3.2	2.5	18.8	27.6	19.7	20.1
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	77,500	337,464	22.8	-3.0	-5.8	-6.8	30.7	10.1	9.2	2.7	2.1	20.4	10.0	32.1	26.9
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	85,600	325,726	14.4	-1.3	-7.0	-12.4	0.3	87.6	49.4	3.6	3.3	-35.0	77.1	6.0	8.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	123,500	66,889	17.7	-0.6	-1.8	3.1	16.0	NA	34.6	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	88,800	185,588	54.5	0.1	2.1	1.1	-18.1	18.7	17.3	5.7	5.5	-0.2	8.0	32.7	33.9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	66,900	165,226	15.4	-0.9	4.7	7.0	186.5	13.0	11.0	2.0	1.7	20.5	17.9	22.9	16.6
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,400	64,534	29.9	-3.1	0.4	5.0	-1.9	25.6	17.8	2.2	2.1	5.7	43.9	6.8	10.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	**-10.64**	**5,158,926**	**-0.8**	**0.0**	**0.8**	**47.6**	**15.7**	**12.5**	**2.5**	**2.2**	**34.7**	**25.8**	**20.6**	**19.5**
Ô tô và phụ tùng	-0.01	9,247	-0.3	-2.6	4.6	54.7	8.0	6.8	1.4	1.3	19.9	16.4	11.8	12.3
Ngân hàng	-3.88	1,586,490	-0.9	1.5	-1.0	61.8	12.6	9.9	2.0	1.6	31.8	26.5	19.0	18.9
Xây dựng cơ bản	0.22	207,194	0.5	1.4	7.5	130.8	7.9	5.5	1.4	0.3	25.3	-0.5	7.6	7.4
Dịch vụ thương mại	-0.03	5,122	-2.1	-0.9	0.7	34.4	7.2	5.7	NA	NA	10.8	39.0	9.3	12.3
May mặc và trang sức	-0.15	44,389	-1.2	-2.5	1.0	108.8	13.3	10.6	2.4	2.1	20.0	26.8	15.2	17.5
Dịch vụ tiêu dùng	-0.04	8,742	-1.1	-1.0	5.3	29.5	NA	14.4	NA	NA	NA	NA	-9.5	3.8
Dịch vụ tài chính	-0.51	143,141	-1.2	1.0	3.1	315.0	5.6	6.7	0.7	0.6	87.6	-12.2	3.8	3.9
Năng lượng	0.04	84,547	0.2	-0.6	5.0	22.6	41.0	15.8	0.2	0.2	NA	82.7	13.5	13.7
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.09	567,821	0.1	-0.5	5.6	45.1	26.7	17.7	5.3	4.5	60.8	34.5	20.8	22.6
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	1,743	1.7	5.9	29.2	103.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,831	-0.4	0.4	-0.9	-2.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.44	51,150	3.2	2.6	5.8	19.9	21.6	19.7	1.7	1.6	10.4	9.6	7.6	7.9
Nguyên vật liệu	-0.97	551,506	-0.6	-0.8	6.6	175.9	13.8	12.8	1.2	0.9	NA	1.4	25.7	20.1
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,325	-2.4	-1.3	2.0	-26.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.06	37,312	0.8	2.8	10.9	29.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-5.16	1,146,803	-0.6	-0.3	3.4	19.5	9.5	8.3	1.6	1.4	4.3	14.4	8.8	9.2
Bán lẻ	0.22	98,178	-1.5	-2.1	-4.3	48.4	55.7	22.1	2.7	6.1	12.6	NA	14.1	13.5
Phần mềm và dịch vụ	-0.26	92,253	0.9	0.4	12.6	84.5	17.8	13.7	3.7	3.3	31.8	28.6	22.3	24.8
Thiết bị và phần cứng	0.00	10,361	-1.0	-1.0	3.5	109.1	18.9	16.3	4.1	3.7	31.1	16.6	22.0	23.1
Dịch vụ viễn thông	0.01	2,017	0.2	6.8	39.9	334.1	23.4	18.2	6.7	5.2	61.1	29.0	30.9	26.2
Vận tải	-0.63	194,700	1.9	-0.9	29.8	413.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.46	257,789	-0.9	-1.9	9.7	68.2	4.1	16.1	26.0	0.4	21.1	NA	-78.8	47.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
DGC VN	156,700	6.2	1,402,800	0.4
VIB VN	39,500	2.6	3,518,600	0.4
BVH VN	55,700	3.3	1,973,900	0.4
HSG VN	46,700	3.8	17,539,300	0.2
OCB VN	24,350	2.5	5,205,000	0.2
KBC VN	42,500	3.7	15,660,900	0.2
HDG VN	59,400	6.8	4,580,500	0.2
MSN VN	143,500	0.3	1,328,900	0.2
MWG VN	123,800	0.7	1,328,400	0.2
PVD VN	21,700	6.4	15,456,000	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	77,500	-3.0	13,434,500	-2.9
VCB VN	98,000	-1.6	862,000	-1.6
VIC VN	85,600	-1.3	4,524,800	-1.1
GVR VN	36,400	-2.7	6,765,800	-1.1
HPG VN	50,800	-1.0	28,847,000	-0.6
VRE VN	28,400	-3.1	8,415,800	-0.6
CTG VN	31,500	-1.1	8,136,200	-0.5
HVN VN	25,400	-2.9	1,559,800	-0.5
BCM VN	45,200	-3.2	127,400	-0.4
VPB VN	66,900	-0.9	6,883,800	-0.4

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.